BỘ NGOẠI GIAO **CỤC CƠ YẾU – CNTT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1259/CYTT-NC V/v mời tham gia thử nghiệm sản phẩm công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường	*Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

Kính gửi: Các Đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ CNTT.

Căn cứ Luật số 148/2025/QH15 của Quốc hội: Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-BNG ngày 17/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc tổ chức thử nghiệm Hệ thống Theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao.

Hiện nay, Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin đang triển khai thử nghiệm Hệ thống "Theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao" nhằm phục vụ công tác tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao, tình hình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị từ các nguồn (văn bản đến mật/không mật, chỉ đạo/kết luận Lãnh đạo Bộ, chương trình công tác); cung cấp báo cáo điều hành và cảnh báo quá hạn phục vụ Lãnh đạo Bộ. Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin trân trọng kính mời các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ và triển khai thử nghiệm hệ thống nêu trên, với các nội dung chính như sau:

1. Thông tin chung về sản phẩm cần cung cấp thử nghiệm: Chỉ tiết tại Phụ lục số I, II, III kèm theo.

2. Hình thức thực hiện: Thử nghiệm sản phẩm Công nghệ thông tin chưa có sẵn trên thị trường theo Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ.

3. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, Trụ sở nhà làm việc Bộ Ngoại giao, số 2 Lê Quang Đạo, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

4. Thời hạn nhận hồ sơ: Từ 8h ngày 17 tháng 7 năm 2026 đến hết 15h00 ngày 27 tháng 7 Năm 2026 (trong giờ hành chính).

Đầu mối liên hệ: anh Vũ Ngọc Quang, email: ngocquang@mofa.gov.vn, điện thoại: 024.37995896.

Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, Bộ Ngoại giao xin cảm ơn Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: HC,CYTT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Như Trung

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN CHUNG VỀ SẢN PHẨM THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Văn bản số /CYTT-NC ngày tháng 7 năm 2026

của Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, Bộ Ngoại giao)

1. Tên sản phẩm: Hệ thống Theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao

2. Đơn vị chủ trì: Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, Bộ Ngoại giao

3. Mục tiêu: Xây dựng Hệ thống nhằm theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện công việc có nội dung mật, hoạt động trên mạng nội bộ của Bộ Ngoại giao, tổng hợp tình hình thực hiện công việc từ các nguồn:

- Văn bản đến không chứa bí mật nhà nước được gửi đến Bộ Ngoại giao trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành.

- Văn bản, thông tin chỉ đạo và thông tin các nhiệm vụ có chứa bí mật nhà nước;

- Chỉ đọa của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cho Bộ Ngoại giao;

- Chỉ đạo/kết luận Lãnh đạo Bộ;

- Chương trình công tác của Bộ;

- Thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được tổng hợp phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ.

4. Phạm vi và đối tượng:

Thử nghiệm các chức năng của phần mềm trên môi trường thực tế tại các đơn vị thuộc khối Văn phòng Bộ Ngoại giao; sử dụng dữ liệu được mã hóa cơ yếu.

5. Tính năng chính của hệ thống theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao:

5.1. Chức năng quản trị:

- Quản trị người dùng: Phân quyền chức năng cho từng tài khoản người dùng theo vai trò, phân định rõ vai trò: Cục/Vụ trưởng, Cục/Vụ phó, Trưởng phòng, Phó phòng và chuyên viên; quản lý token - chứng thư số của người dùng.

- Quản trị đơn vị: Quản lý thông tin người dùng theo đơn vị, quản lý thông tin đơn vị.

- Quản trị phân luồng: Phân luồng tạo lập, chia sẻ, phân công, giao việc của các nhiệm vụ đôn đốc.

- Quản trị danh mục: Bổ sung các danh mục thông tin cần thiết.

- Tổng quản chức năng: Chức năng cho phép Quản trị viên quản lý, phân quyền đến từng tài khoản người dùng đảm bảo quyền chức năng rõ ràng, không chồng lấn, không hiển thị sai thông tin, vai trò với từng tài khoản; quản lý đơn vị, cấu hình đơn vị, chức năng đơn vị; phân quyền hiển thị menu, phiếu công việc theo từng người sử dụng; đảm bảo tính bảo mật trong việc phân công phiếu công việc có chứa bí mật nhà nước. Ngoài ra, hệ thống đảm bảo từng tài khoản phải được đăng ký chứng thư số trước khi nhận chia sẻ văn bản được mã

hoá; đảm bảo chỉ tài khoản được phân quyền mới có thể đọc được thông tin, và tài khoản được chia sẻ khoá mới có thể giải mã nội dung.

5.2. Chức năng bảng theo dõi công việc (Dashboard):

- Cung cấp cái nhìn tổng quan đến chi tiết về tiến độ, khối lượng, và trạng thái công việc trong hệ thống thông qua các biểu đồ. Cho phép xem nhanh danh sách và nội dung chi tiết của từng nhiệm vụ trực tiếp trên giao diện Dashboard.

- Việc hiển thị phiếu được phân quyền.

- Mỗi nhiệm vụ trong bảng theo dõi đều có thể tra cứu thông tin chi tiết nhanh chóng.

- Thông tin hiển thị trên Dashboard là thời gian thực.

5.3. Quản lý công việc:

- Cho phép người dùng tra cứu, tìm kiếm nâng cao toàn bộ các công việc mà mình có liên quan (giao việc, nhận việc, xử lý chính, phối hợp) và kết xuất báo cáo.

- Bao gồm màn hình: Toàn bộ công việc, giao việc, và công việc cần xử lý.

5.4. Chức năng giao việc:

- Màn hình dành riêng cho người dùng theo dõi tiến độ, tình trạng xử lý của các nhiệm vụ, công việc mà phù hợp với vai trò được giao.

- Có thể hiển thị đầy đủ thông tin giao việc phục vụ theo dõi, đôn đốc của Bộ.

6. Quy mô thử nghiệm:

- Xây dựng hệ thống thông tin, phần mềm, tiêu chuẩn kỹ thuật của Hệ thống theo Phụ lục III.

- Xây dựng Hệ thống với các tính năng, chức năng cơ bản (mục 5 phần này) và vận hành thí điểm tại một số đơn vị theo phạm vi tại mục 4 phần này.

7. Kiến trúc tổng thể Hệ thống mạng nội bộ của Bộ Ngoại giao

Mạng nội bộ của Bộ Ngoại giao được ban hành theo Quyết định số 4818/QĐ-BNG ngày 31/12/2025 Ban hành Khung kiến trúc số Bộ Ngoại giao.

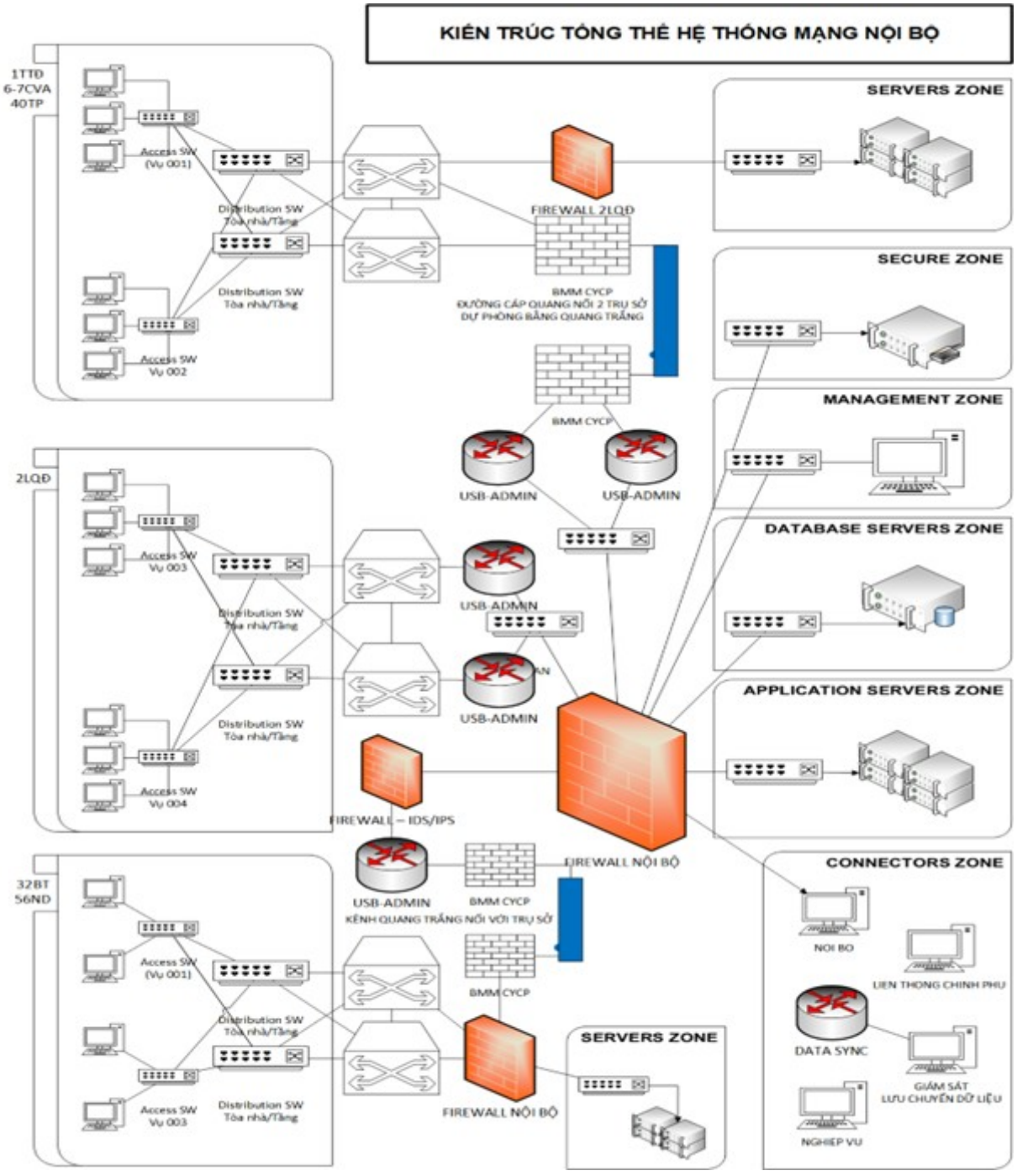
KIẾN TRÚC TỔNG THỂ HỆ THỐNG MẠNG NỘI BỘ
1TTĐ
6-7CVA
40TP
Access SW
(Vụ 001)
Distribution SW
Tòa nhà/Tầng
Distribution SW
Tòa nhà/Tầng
Access SW
Vụ 002
FIREWALL 2LQĐ
BMM CYCP
ĐƯỜNG CÁP QUANG NỐI 2 TRỤ SỞ
DỰ PHÒNG BẰNG QUANG TRẮNG
BMM CYCP
SERVERS ZONE
SECURE ZONE
MANAGEMENT ZONE
DATABASE SERVERS ZONE
APPLICATION SERVERS ZONE
CONNECTORS ZONE
USB-ADMIN
USB-ADMIN
2LQĐ
Access SW
Vụ 003
Distribution SW
Tòa nhà/Tầng
Distribution SW
Tòa nhà/Tầng
Access SW
Vụ 004
USB-ADMIN
USB-ADMIN
FIREWALL – IDS/IPS
FIREWALL NỘI BỘ
32BT
56ND
USB-ADMIN
BMM CYCP
KÊNH QUANG TRẮNG NỐI VỚI TRỤ SỞ
Access SW
(Vụ 001)
Distribution SW
Tòa nhà/Tầng
Distribution SW
Tòa nhà/Tầng
Access SW
Vụ 003
BMM CYCP
FIREWALL NỘI BỘ
SERVERS ZONE
NOI BO
LIEN THONG CHINH PHU
DATA SYNC
GIÁM SÁT
LƯU CHUYỂN DỮ LIỆU
NGHIEP VU

PHỤ LỤC II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Văn bản số /CYTT-NC ngày tháng 7 năm 2026

của Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, Bộ Ngoại giao)

I. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu chi tiết	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1	Hồ sơ năng lực	Cung cấp đầy đủ hồ sơ giới thiệu năng lực, kinh nghiệm, tình trạng hoạt động; website công ty.	Đạt
		Không cung cấp, hoặc cung cấp thiếu.	Không đạt
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Cam kết và cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế đầy đủ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm bắt đầu nhận hồ sơ đề xuất thử nghiệm.	Đạt
		Không có cam kết và không cung cấp hoặc cung cấp tài liệu chứng minh không đầy đủ.	Không đạt
3	Năng lực tài chính		
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của đơn vị tham gia đề xuất trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm bắt đầu nhận hồ sơ đề xuất thử nghiệm phải dương. Đạt (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ). Cung cấp tài liệu chứng minh.	Đạt
		Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu chứng minh.	Không đạt
3.2	Năng lực tài chính khi tham gia thử nghiệm	Cam kết đơn vị thử nghiệm chịu hoàn toàn các chi phí liên quan đến hạ tầng, an toàn thông tin, chi phí nhân công để xây dựng phát triển sản phẩm/ dịch vụ CNTT, chi phí vận hành và các chi phí khác (nếu có) trong suốt thời gian thử nghiệm.	Đạt
		Không có cam kết.	Không đạt
4	Năng lực triển	Đơn vị tham gia thử nghiệm có đội ngũ cán bộ sẵn sàng hỗ trợ, triển khai tại thời điểm thử	Đạt

	khai	nghiệm đáp ứng phạm vi triển khai trên mạng nội bộ của Bộ Ngoại giao.	
		Không cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt

II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

- Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- Hồ sơ đề xuất thử nghiệm được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
1. Hiểu rõ mục đích của thử nghiệm		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của sản phẩm thử nghiệm	Đơn vị thử nghiệm hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ của việc thử nghiệm đã nêu trong yêu cầu về mặt kỹ thuật.	Đạt
	Đơn vị thử nghiệm hiểu sơ sài/ không trình bày hiểu biết về mục tiêu và nhiệm vụ của việc thử nghiệm đã nêu trong yêu cầu về mặt kỹ thuật.	Không đạt
2. Các yêu cầu kỹ thuật		
Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết của phần mềm, hạ tầng	Đơn vị thử nghiệm có trình bày phương án, thuyết minh đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về kỹ thuật tại Phụ lục III: Yêu cầu kỹ thuật sản phẩm CNTT thử nghiệm	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3. Mức độ đáp ứng về các giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu		
Các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu	Đơn vị thử nghiệm có trình bày giải pháp, thuyết minh phương án kết nối, đồng bộ của Hệ thống Theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao với các hệ thống khác để đánh giá khả năng sẵn sàng, đáp ứng của sản phẩm dịch vụ CNTT.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4. Tính sẵn sàng của sản phẩm/ Dịch vụ		
Yêu cầu về sẵn	Đơn vị thử nghiệm sẵn sàng trực tiếp chứng minh các	Đạt

sàng của sản phẩm/ Dịch vụ CTTT thử nghiệm	tính năng đã đảm bảo có ngay sau khi đánh giá tham gia thử nghiệm nếu được yêu cầu đối với phần mềm.	
	Không có nội dung trình bày hoặc trình bày không đáp ứng.	Không đạt
5. Hạ tầng Công nghệ Thông tin		
Yêu cầu hạ tầng công nghệ thông tin	- Đơn vị thử nghiệm trình bày, thuyết minh phương án tính toán hạ tầng cần thiết để phục vụ triển khai thử nghiệm.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
6. Bảo vệ bí mật nhà nước		
Yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước	- Đơn vị thử nghiệm chứng minh đã từng phát triển ứng dụng, phần mềm có áp dụng chương trình mã hóa cơ yếu (được quản lý bởi Ban Cơ yếu chính phủ). - Đơn vị thử nghiệm cam kết việc Hệ thống thử nghiệm triển khai đảm bảo tuân thủ Luật bảo vệ Bí mật nhà nước và các quy định có liên quan.	Đạt
	Không chứng minh, cam kết theo yêu cầu.	Không đạt
7. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin		
Yêu cầu đối với an toàn, an ninh thông tin	Đơn vị thử nghiệm cam kết việc Hệ thống thử nghiệm triển khai đảm bảo tuân thủ Luật An ninh mạng và các quy định liên quan.	Đạt
	Không cam kết việc tuân thủ.	Không đạt
8. Kế hoạch, tiến độ		
Yêu cầu về tiến độ hoàn thiện	Đơn vị thử nghiệm có cam kết, thuyết minh tiến độ cung cấp sản phẩm CNTT đưa vào thử nghiệm.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận		Đạt/ Không đạt

PHỤ LỤC III

YÊU CẦU KỸ THUẬT SẢN PHẨM CNTT THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Văn bản số /CYTT-NC ngày tháng 7 năm 2026

của Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, Bộ Ngoại giao)

I. Phạm vi yêu cầu

- Triển khai thử nghiệm sản phẩm: Hệ thống theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao.

- Đảm bảo hạ tầng, an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ thử nghiệm Hệ thống theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao.

- Đảm bảo tuân thủ Luật bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định liên quan.

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phục vụ thử nghiệm.

- Thời gian hoàn thành xây dựng sản phẩm thử nghiệm để bắt đầu đánh giá an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước: trước ngày 30/8/2026.

- Thời gian bắt đầu thử nghiệm: tối đa 15 ngày kể từ khi có thông báo chính thức từ Cục Cơ yếu - Công nghệ thông tin, đơn vị được chọn bắt đầu tổ chức triển khai các bước để thử nghiệm hệ thống.

II. Nội dung yêu cầu

1. Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng Đơn vị thử nghiệm xây dựng phần mềm phải đảm bảo hệ thống khi thiết kế, triển khai đảm bảo tuân thủ:

- Khung kiến trúc Quốc gia số ban hành theo Quyết định 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

- Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0) ban hành tại Quyết định 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chiến lược Chuyển đổi số Bộ Ngoại giao đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 3938/QĐ-BNG ngày 06/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

- Chiến lược dữ liệu của Bộ Ngoại giao đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 3937/QĐ-BNG ngày 06/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

- Khung kiến trúc số Bộ Ngoại giao ban hành tại Quyết định số 4818/QĐ-BNG ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

- Khung kiến trúc dữ liệu phiên bản 1.0 của Bộ Ngoại giao ban hành tại Quyết định số 2219/QĐ-BNG ngày 24/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

- Khung quản trị quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung của Bộ Ngoại giao phiên bản 1.0 ban hành tại Quyết định 2563/QĐ-BNG ngày 17/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

- Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nước công bố kèm theo Thông tư 39/2017/TT-BTTTT, ngày 15/12/2017 và các tiêu chuẩn về thiết kế, tích hợp hệ thống, các tiêu chuẩn về thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin theo quy định hiện hành.

2. Yêu cầu về phương án tích hợp

Đơn vị thử nghiệm trình bày, mô tả phương án tích hợp, cam kết hệ thống Hệ thống Theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao đảm bảo sẵn sàng kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác nhưng vẫn đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước đối với việc kết nối:

- Phần mềm nghiệp vụ xử lý tài liệu, thông tin có chứa bí mật nhà nước.

- Phần mềm nghiệp vụ không xử lý tài liệu, thông tin có chứa bí mật nhà nước.

3. Quy trình nghiệp vụ

Đơn vị tham gia thử nghiệm xây dựng phần mềm phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ chính của hệ thống, bám sát quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác đôn đốc, điều hành công việc của Bộ Ngoại giao.

4. Đối tượng sử dụng: Toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Ngoại giao.

5. Yêu cầu chức năng thử nghiệm: được quy định tại Mục 5 - Phụ lục 1: Tính năng chính của hệ thống.

6. Các yêu cầu phi chức năng

Đơn vị thử nghiệm phải cam kết đảm bảo các yêu cầu phi chức năng sau:

a) Yêu cầu cần đáp ứng đối với CSDL:

- Mô hình CSDL hướng tập trung, đảm bảo đầy đủ các thông tin cơ bản, cần lưu trữ về tất cả các đối tượng tham gia trong hệ thống phần mềm thử nghiệm; phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ của các cán bộ khai thác;

- Dữ liệu có nội dung bí mật nhà nước cần được mật mã theo quy định.

- Có cơ chế đảm bảo an toàn, an ninh cho dữ liệu và hệ quản trị CSDL;

- Có cơ chế tự động sao lưu dữ liệu theo lịch trình đặt sẵn hoặc tùy chọn;

- Có khả năng phục hồi CSDL từ dữ liệu đã được sao lưu.

b) Yêu cầu về bảo mật, an toàn dữ liệu:

Hệ thống phải có cơ chế đảm bảo an toàn, bảo mật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nhiều lớp bảo vệ:

- Lớp bảo vệ người dùng

- Lớp bảo vệ mạng

- Lớp bảo vệ Server và Hệ điều hành

- Lớp bảo vệ ứng dụng

- Kiểm soát lỗ hổng qua phương thức phân tích, phân loại lỗi. Các dạng lỗi bảo mật phổ biến đối với ứng dụng bao gồm: buffer overflow, SQL injection, XSS, virus,... Ngoài các cơ chế bảo vệ chủ động từ đầu nhằm chống lại các dạng lỗi bảo mật phổ biến đối với ứng dụng nêu trên, hệ thống phần mềm được kết hợp với hệ điều hành để ghi nhận các vết trong quá trình vận hành hệ thống nhằm phân tích, phân loại và xác định lỗi.

- Hệ thống phần mềm cần được thiết kế đảm bảo tính bảo mật, bảo vệ tuyệt đối với dữ liệu có chứa bí mật nhà nước theo quy định có liên quan về bảo vệ bí mật nhà nước.

c) Yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng

- Đảm bảo khả năng quản trị tập trung, thuận tiện và hỗ trợ tốt cho công tác quản lý, điều hành, giám sát trong phạm vi thử nghiệm.

- Vận hành đơn giản: Việc điều hành đảm bảo đơn giản, gọn nhẹ, đảm bảo hiệu quả làm việc của toàn bộ hệ thống mạng.

7. Yêu cầu phương án đảm bảo an toàn thông tin

- Đảm bảo các tiêu chí về an toàn thông tin tối thiểu từ cấp độ 3 trở lên theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

- Đảm an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ tính bí mật, toàn vẹn và sẵn sàng của hệ thống.

- Phải thực hiện đánh giá an toàn thông tin, quản lý lỗ hổng, cập nhật bản vá, xây dựng phương án ứng cứu sự cố và duy trì hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

- Nhật ký hệ thống (log) phải được lưu giữ theo quy định để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, điều tra, xử lý sự cố và truy vết khi cần thiết.

8. Yêu cầu về hạ tầng, thiết bị

Để bảo đảm quá trình thử nghiệm hệ thống diễn ra ổn định, hiệu quả và liên tục, cần có các yêu cầu chung về hạ tầng kỹ thuật và thiết bị từ phía đơn vị tham gia. Đơn vị thử nghiệm cần trình bày và thuyết minh phương án tính toán hạ tầng phù hợp, bảo đảm đáp ứng cho việc triển khai cả trước, trong và sau giai đoạn thử nghiệm.

III. Kế hoạch xây dựng, thử nghiệm sản phẩm/dịch vụ CNTT

Đơn vị tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT phục vụ thử nghiệm phải bảo đảm tuân thủ kế hoạch triển khai theo yêu cầu của Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin, bao gồm đầy đủ các nội dung về xây dựng và kiểm thử hệ thống Theo dõi, đôn đốc công việc của Bộ Ngoại giao